

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **140/2023/DS-ST**

Ngày: 19-9-2023

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 16/6/2023 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Thông báo dời lịch xét xử số 1162/TB-TA ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: số 99/2, ấp Ak, xã MA, huyện P tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hồng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số 53/6, ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thanh T, sinh năm 1968. (có đơn xin vắng mặt)

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số 151/1, ấp Ak, xã MA, huyện T P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2023; đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 13/9/2023 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng P có tham gia 01 dây hụi tháng do bà Võ Thanh T làm chủ hụi; hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/6/2020 âm lịch. Bà P đóng được 8 phần thì bà Túp hụi nên bà T đồng ý trả cho bà P 08 phần hụi chết là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền đầu thảo 2.500.000 đồng và trừ tiền 1.260.000 đồng bà P còn thiếu

ở đây hội khác, bà Thuý còn nợ lại bà P36.240.000 đồng. Bà T có viết giấy tay tính tiền hội và ghi họ tên ở cuối tờ giấy.

Tuy nhiên đến nay bà T chưa trả tiền cho bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện P xem xét giải quyết buộc bà Võ Thanh T trả cho bà P số tiền 36.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu ông Phạm Văn H có trách nhiệm liên đới với bà T để trả cho bà P số tiền này.

Theo bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/9/2023 bà Võ Thanh T trình bày:

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P. Bà thừa nhận còn nợ bà P số tiền hội 36.240.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà P số tiền này. Bà yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo quy định và yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 16, 17 và 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà T trả cho bà P 36.240.000 đồng. Bà P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P tranh chấp hợp đồng góp hội với bị đơn bà Võ Thanh T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Võ Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng và ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng hợp hui giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P với bà Võ Thanh T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Võ Thanh T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền hui là 36.240.000 (Ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng và đồng ý trả cho bà P số tiền này nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà P có không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Bà P không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Phạm Văn H nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P. Buộc bà Võ Thanh T phải có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 36.240.000 (Ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

[6] Về án phí: Bà Võ Thanh T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P. Buộc bà Võ Thanh T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 36.240.000 (Ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thanh Tcó nghĩa vụ nộp: 1.812.000 (Một triệu, tám trăm mười hai nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Ptỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Hồng Pđược Chi cục thi hành án dân sự huyện Phòan trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 906.000 (Chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006854, ngày 16 tháng 6 năm 2023.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên và đóng dấu)

Hồ Thị Triết